



LISTENING CHALLENGE 48

CAM 18 – TEST 1 - PART 4 – Listening

Question 31-40

Complete the notes below

Write **ONE WORD ONLY** for each answer.

Reclaiming urban rivers

Historical background

- Nearly all major cities were built on a river.
- Rivers were traditionally used by city dwellers for transport, fishing and recreation.
- Industrial development and rising populations later led to:
 - more sewage from houses being discharged into the river
 - pollution from **31**_____ on the river bank.
- In 1957, the River Thames in London was declared biologically **32**_____.

Recent improvements

- Seals and even a **33**_____ have been seen in the River Thames.
- Riverside warehouses are converted to restaurants and **34**_____.
- In Los Angeles, there are plans to:
 - build a riverside **35**_____
 - display **36**_____ projects.
- In Paris, **37**_____ are created on the sides of the river every summer.

Transport possibilities

- Over 2 billion passengers already travel by **38**_____ in cities round the world.
- Changes in shopping habits mean the number of deliveries that are made is increasing.
- Instead of road transport, goods could be transported by large freight barges and electric **39**_____ or, in future, by **40**_____.



ANSWER KEY

31. factories
32. dead
33. whale
34. apartments
35. park
36. art
37. beaches
38. ferry
39. bikes
40. drone

DỊCH SONG NGỮ TRANSCRIPT

ENGLISH TRANSCRIPT	VIETNAMESE TRANSLATION
It's quite hard to think of a city that doesn't have a big river running through it. If you think about the major cities in the world, Shanghai, New York, Mumbai, London, they're nearly all built on rivers .	Thật khó để nghĩ ra một thành phố nào mà không có con sông lớn chảy qua. Nếu nghĩ về các thành phố lớn trên thế giới như Thượng Hải, New York, Mumbai hay London, thì hầu như tất cả đều được xây dựng dọc theo sông .
When these cities were established hundreds or even thousands of years ago, the rivers were a big part of people's lives . In 16th century London, the quickest way to get from one part of the city to another was by river.	Khi những thành phố này được hình thành từ hàng trăm, thậm chí hàng nghìn năm trước, các con sông là một phần quan trọng trong đời sống con người . Ở London thế kỷ 16, cách nhanh nhất để di chuyển giữa các khu vực trong thành phố là bằng đường sông.
But people also used the river for fishing , as the water then was relatively clean , and they would also go on boat trips up and down the river just for pleasure , as a relaxing escape from the noise and bustle of the city streets.	Nhưng người dân cũng dùng sông để đánh bắt cá , vì khi đó nước tương đối sạch , và họ còn đi du thuyền trên sông chỉ để giải trí , như một cách thư giãn, trốn khỏi sự ồn ào, náo nhiệt của đường phố đô thị.
But as industries developed and populations increased , city rivers suffered . The rising number	Tuy nhiên, khi công nghiệp phát triển và dân số gia tăng , các con sông đô thị đã bị tổn hại . Số lượng dân tăng lên đồng nghĩa với

ENGLISH TRANSCRIPT	VIETNAMESE TRANSLATION
of people meant there was a huge increase in the amount of sewage discharged into the rivers.	việc lượng lớn nước thải bị xả trực tiếp vào sông.
Rivers had always been used for this purpose, but when the number of inhabitants was so small, that wasn't such a problem. However, as cities grew to over a million inhabitants , the impact on the rivers became more serious .	Trước đây, sông vốn đã được sử dụng cho mục đích này, nhưng khi số cư dân còn ít thì đó chưa phải là vấn đề lớn. Tuy nhiên, khi các thành phố phát triển vượt quá một triệu dân , tác động lên các con sông trở nên ngghiêm trọng hơn.
In addition, other types of pollution increased , as factories were built beside the river and discharged waste materials into the water. This got worse over time.	Ngoài ra, các dạng ô nhiễm khác cũng gia tăng , khi các nhà máy được xây dựng ven sông và xả chất thải trực tiếp xuống nước. Tình trạng này ngày càng trầm trọng theo thời gian.
As recently as 1957, scientists at London's Natural History Museum declared that the River Thames was dead in biological terms , as the water was too filthy to support any kind of life.	Gần đây nhất là vào năm 1957, các nhà khoa học tại Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên London đã tuyên bố rằng sông Thames đã chết về mặt sinh học , vì nước quá ô nhiễm để duy trì bất kỳ sự sống nào.
But in recent years, as rivers lost their industrial function , cities have begun to recognise their true value and to take steps to clean them up .	Tuy nhiên trong những năm gần đây, khi các con sông mất đi vai trò công nghiệp , các thành phố bắt đầu nhận ra giá trị thực sự của chúng và tiến hành làm sạch sông .
For example, the River Thames is now cleaner than it's been for 150 years . These days you can see seals swimming in the water, and recently people had to try to rescue a whale , which had got lost and swum up the river from the sea by mistake.	Ví dụ, sông Thames hiện nay sạch hơn bất kỳ thời điểm nào trong 150 năm qua . Ngày nay, người ta có thể thấy hải cẩu bơi lội dưới sông, và gần đây còn phải tìm cách giải cứu một con cá voi đã đi lạc và bơi ngược dòng từ biển vào sông.
Unfortunately, they didn't succeed, but the problem was disorientation rather than the quality of the water .	Đáng tiếc là họ không thành công, nhưng vấn đề là do mất phương hướng chứ không phải do chất lượng nước .
Then, all around the world, riverside areas are now seen as prime sites for development . Warehouses that were once used for storing goods are now being converted into expensive restaurants and also into apartments with river views , which are in great demand and sell for astronomical prices .	Sau đó, trên toàn thế giới, các khu vực ven sông hiện được coi là địa điểm vàng cho phát triển đô thị . Những kho hàng từng dùng để lưu trữ hàng hóa nay được chuyển đổi thành nhà hàng cao cấp và căn hộ có view sông , vốn có nhu cầu rất cao và được bán với mức giá trên trời .
In Los Angeles, on the west coast of the USA, an architect has plans to revitalise the banks of the river and to make a park there which can provide facilities for sports as well as a natural environment for relaxing.	Tại Los Angeles, bờ tây nước Mỹ, một kiến trúc sư đã lên kế hoạch tái sinh bờ sông và xây dựng một công viên có cơ sở thể thao cũng như không gian tự nhiên để thư giãn.

ENGLISH TRANSCRIPT	VIETNAMESE TRANSLATION
It's also hoped that the riverside can be used for other purposes . It's been proposed that facilities could be provided for displaying projects related to various kinds of art that have been produced by local people , for example.	Người ta cũng hy vọng rằng khu vực ven sông có thể được sử dụng cho những mục đích khác . Ví dụ, đã có đề xuất xây dựng không gian trưng bày các dự án nghệ thuật do người dân địa phương sáng tạo.
In the city of Paris, during the summer months of July and August, all the traffic is banned from the roads by the sides of the river, and the banks are transformed into beaches , where people can relax in deck chairs , sunbathe , or buy a drink or a snack while enjoying the view.	Tại Paris, trong các tháng hè là tháng 7 và 8, toàn bộ giao thông bị cấm trên các tuyến đường ven sông, và bờ sông được biến thành bãi biển , nơi mọi người có thể thư giãn trên ghế dài , tắm nắng , hoặc mua đồ ăn thức uống trong lúc ngắm cảnh.
But to make the most of our rivers in our increasingly crowded cities , we need to allow them to regain their original purpose and be used as a means of transport , reclaiming our streets from cars and lorries.	Tuy nhiên, để tận dụng tối đa các con sông trong những thành phố ngày càng đông đúc , chúng ta cần cho phép sông khôi phục lại chức năng ban đầu và được sử dụng như một phương tiện giao thông , từ đó giành lại đường phố khỏi xe hơi và xe tải.
Already, more than two billion passengers use the ferry to travel in cities around the world, like Istanbul, San Francisco and New York, and these numbers are set to rise further .	Hiện nay, hơn hai tỷ hành khách đã sử dụng phà để di chuyển tại các thành phố như Istanbul, San Francisco và New York, và con số này được dự đoán sẽ còn tăng thêm .
One freight barge can replace 44 large trucks , uses far less energy and causes less pollution . When the barge docks at the riverside, the parcels could be taken the last few kilometres to their final destination on cargo bikes , electric ones of course.	Một sà lan chở hàng có thể thay thế 44 xe tải lớn , tiêu thụ ít năng lượng hơn và gây ít ô nhiễm hơn. Khi sà lan cập bến, các kiện hàng có thể được vận chuyển chặng cuối bằng xe đạp chở hàng , tất nhiên là loại chạy điện.
This is already happening in the Dutch city of Amsterdam, and in future the final stage could even be carried out by drone , although at present this isn't allowed.	Điều này đã và đang diễn ra tại thành phố Amsterdam (Hà Lan), và trong tương lai, chặng cuối thậm chí có thể được thực hiện bằng thiết bị bay không người lái , dù hiện tại điều này vẫn chưa được cho phép.

VOCABULARY LIST

Word / Phrase	IPA (UK)	POS	Meaning (VN)	Synonym	Antonym
riverbank	/ˈrɪvəbæŋk/	noun	bờ sông	riverside	–
major cities	/ˈmeɪdʒə ˈsɪtiz/	noun phrase	các thành phố lớn	large cities	–
be built on	/bɪ bɪlt ɒn/	verb phrase	được xây dựng dọc theo	be located on	–
established	/ɪˈstæblɪʃt/	verb	được hình thành	founded	–
stand the test of time	/stænd ðə test əv taɪm/	idiom	tồn tại bền vững theo thời gian	endure	fade
relatively clean	/ˈrelatɪvli kliːn/	adverb phrase	tương đối sạch	fairly clean	polluted
relaxing escape	/rɪˈlæksɪŋ ɪˈskeɪp/	noun phrase	sự thư giãn, thoát ly	getaway	–
noise and bustle	/nɔɪz ənd ˈbʌsəl/	noun phrase	sự ồn ào, náo nhiệt	hustle and bustle	calm
industrial development	/ɪnˈdʌstriəl dɪˈveləpmənt/	noun phrase	sự phát triển công nghiệp	industrial growth	–
sewage	/ˈsuːɪdʒ/	noun	nước thải	wastewater	–
discharge (waste)	/dɪsˈtʃɑːdʒ/	verb	xả (chất thải)	release	retain
inhabitants	/ɪnˈhæbɪtənts/	noun	cư dân	residents	–
serious impact	/ˈsɪəriəs ˈɪmpækt/	noun phrase	tác động nghiêm trọng	severe effect	–
pollution	/pəˈluːʃən/	noun	ô nhiễm	contamination	cleanliness
factories	/ˈfæktɪz/	noun	nhà máy	plants	–
dead in biological terms	/ded ɪn baɪəˈlɒdʒɪkəl tɜːmz/	phrase	chết về mặt sinh học	lifeless	alive
filthy	/ˈfɪlθi/	adjective	bẩn nghiêm trọng	dirty	clean
industrial function	/ɪnˈdʌstriəl ˈfʌŋkʃən/	noun phrase	chức năng công nghiệp	–	–
recognise true value	/ˈrekəɡnaɪz truː ˈvæljuː/	verb phrase	nhận ra giá trị thực sự	appreciate	overlook
clean up	/kliːn ʌp/	phrasal verb	làm sạch	restore	pollute
prime sites	/praɪm saɪts/	noun phrase	vị trí đặc địa	key locations	–
converted into	/kənˈvɜːtɪd ˈɪntuː/	verb phrase	được chuyển đổi thành	transformed into	–

Word / Phrase	IPA (UK)	POS	Meaning (VN)	Synonym	Antonym
in great demand	/ɪn greɪt dɪ'mɑːnd/	phrase	rất được ưa chuộng	highly sought-after	unpopular
astronomical prices	/ˌæstrə'nɒmɪkəl 'praɪsɪz/	noun phrase	giá cực kỳ đắt	sky-high prices	low prices
revitalise	/ˌrɪː'vaɪtəlaɪz/	verb	tái sinh, hồi sinh	rejuvenate	neglect
facilities	/fə'sɪlətɪz/	noun	cơ sở vật chất	amenities	–
transformed into	/træns'fɔːmd 'ɪntuː/	verb phrase	biến thành	turned into	–
regain original purpose	/rɪ'geɪn ə'rɪdʒɪnəl 'pʊrːpəs/	phrase	khôi phục chức năng ban đầu	restore function	–
means of transport	/miːnz əv 'trænsˌpɔːt/	noun phrase	phương tiện giao thông	transport mode	–
ferry	/ˈferi/	noun	phà	boat	–
freight barge	/freɪt bɑːdʒ/	noun	sà lan chở hàng	cargo barge	–
cargo bikes	/ˈkɑːgəʊ baɪks/	noun	xe đạp chở hàng	delivery bikes	–
drone	/drəʊn/	noun	thiết bị bay không người lái	UAV	–